

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/MÔ ĐUN

Lớp: TCN22B Năm học: 22-23
Mã môn học/ Mô đun: MH04226 Học kỳ: 01
Tên môn học/ Mô đun: Tiếng anh
Số tín chỉ: 4

STT	MSHS	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1					Hệ số 2					ThiL1	ThiL2	ĐMH MĐ
1	2256201201478	Châu Chí	Bình	05/10/2007				8	8.0	6.0	6.0	7.0			5.0		5.8
2	2256201201479	Phạm Quốc	Duy	10/10/2007				5	6.5	3.0	6.0	6.0			3.4	6.0	5.7
3	2256201201480	Nguyễn Tấn	Đạt	18/07/1996				9	9.0	8.5	9.0	8.0			9.2		9.0
4	2256201201481	Trần Thành	Đạt	05/07/2005				7.5	5.0	5.0	6.0	3.0			9.0		7.4
5	2256201201482	Phạm Hoài	Đức	20/05/2001				0	0.0	0.0	0.0	0.0			0.0	0.0	0.0
6	2256201201483	Lương Anh	Kiệt	09/09/2007				9	6.0	5.0	5.0	6.0			8.0		7.2
7	2256201201484	Trần Trịnh Quốc	Kỳ	02/07/2007				6.5	6.0	3.0	5.0	6.0			7.6		6.6
8	2256201201485	Nguyễn Thành	Lợi	05/07/2001				10	9.0	9.5	10.0	10.0			10.0		9.9
9	2256201201486	Trần Yến	Nhi	20/09/2004				9.5	8.5	7.0	8.5	9.0			9.2		8.9
10	2256201201487	Huỳnh Thanh	Sang	17/10/2004				0	0.0	0.0	0.0	0.0			0.0	0.0	0.0
11	2256201201488	Trần Phan Quốc	Thái	08/12/2007				0	0.0	0.0	0.0	0.0			0.0	0.0	0.0
12	2256201201489	Ngô Minh	Thành	27/01/2004				0	0.0	0.0	0.0	0.0			0.0	0.0	0.0
13	2256201201490	Lê Anh	Thư	31/01/2007				8.5	7.0	7.5	5.0	5.0			6.4		6.4
14	2256201201491	Đỗ Lê Chí	Toàn	17/12/2007				0	0.0	0.0	0.0	0.0			0.0	0.0	0.0
15	2256201201492	Trần Minh	Trí	12/04/2007				8.5	4.0	5.0	5.0	5.0			4.0	4.0	4.5
16	2256201201493	Huỳnh Công	Tuấn	12/02/2007				0	0.0	0.0	0.0	0.0			0.0	0.0	0.0
17	2256201201494	Lê Thị	Đông	20/08/1992				7	9.5	8.5	5.0	7.0			9.4		8.6
18	2256201201495	Võ Hải	Khoa	09/09/2007				6.5	5.0	5.0	5.0	5.0			5.2		5.2
19	2256201201496	Cao Chánh	Thông	21/08/2007				7	7.0	8.0	6.0	6.0			6.8		6.8
20	2256201201497	Nguyễn Chấn	Hưng	04/09/1998													M
21	2256201201498	Nguyễn Văn	Sang	22/05/2007				6	6.0	6.0	7.0	6.0			5.4		5.7

Châu Đốc, ngày 09 tháng 03 năm 2023

TP. Đào tạo Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng Nguyễn Thị Mỹ Thanh